CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Địa ốc First Real

Ngày 30/06/2025	9,080 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.4%	**26.1%**	**66.5%**

DT thuần
Q2/25
43.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.70| -5.9%
YoY: ▲ 29.0| 206%

LN thuần
Q2/25
18.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.50| -11.9%
YoY: ▲ 17.0| 973%

LN sau thuế
Q2/25
15.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.10| -7.1%
YoY: ▲ 13.8| 1137%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
57.6%
YoY: +/-▼ 10.0%

ROE (TTM)
Q2/25
1.0%
YoY: +/-▲ 1.8%

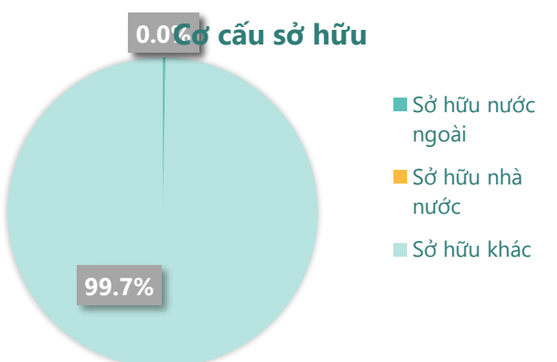
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,000 - 8,718
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	583
Số lượng CPLH (CP)	64,245,281
KLGD BQ 20 phiên (CP)	378,260
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.88
EPS	121
P/E	75.2

DT thuần
6T 2025
88.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 47.1| 113%

LN thuần
6T 2025
39.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.0| 1291%

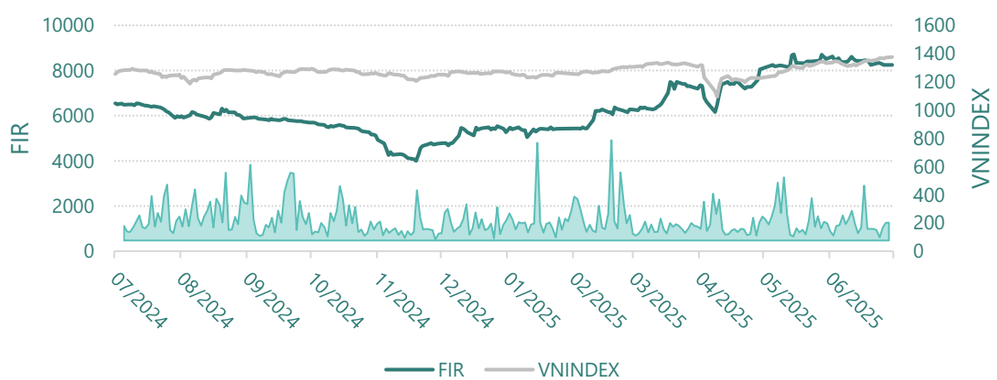
LN sau thuế
6T 2025
31.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.1| 3156%

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



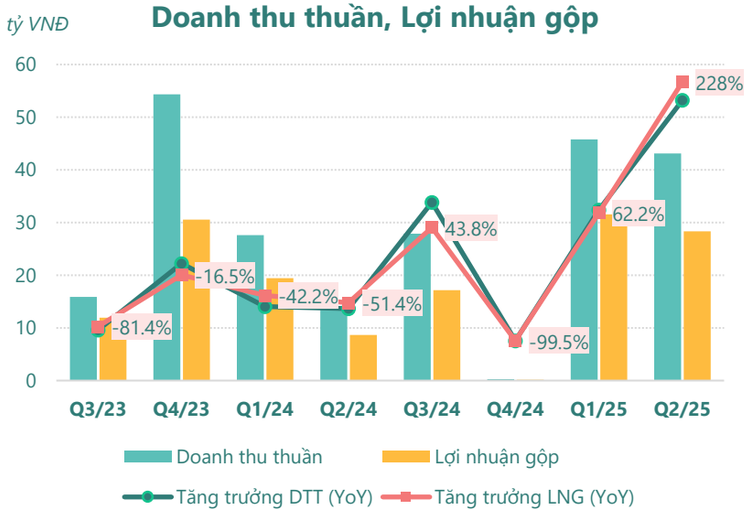
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

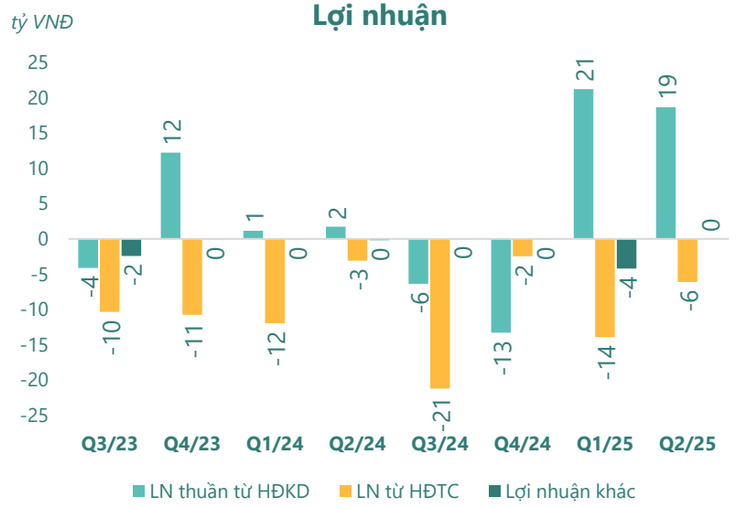
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



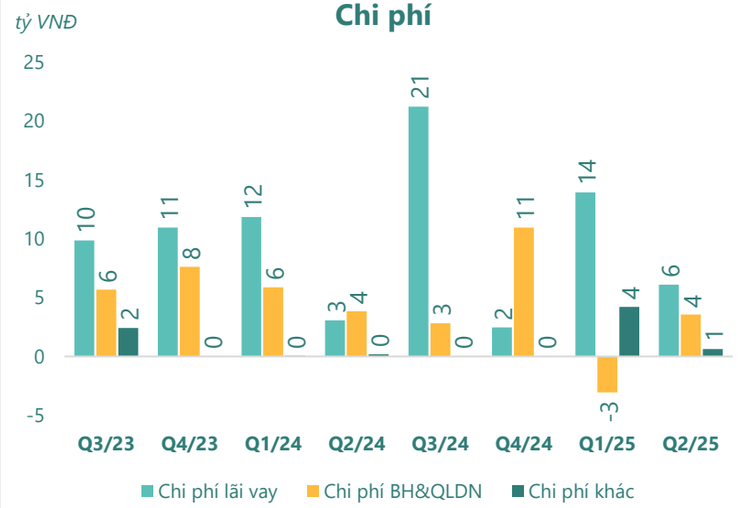
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



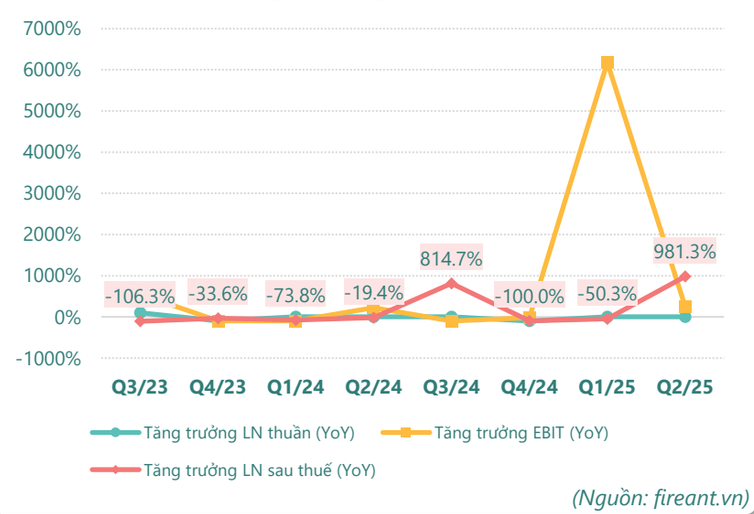
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



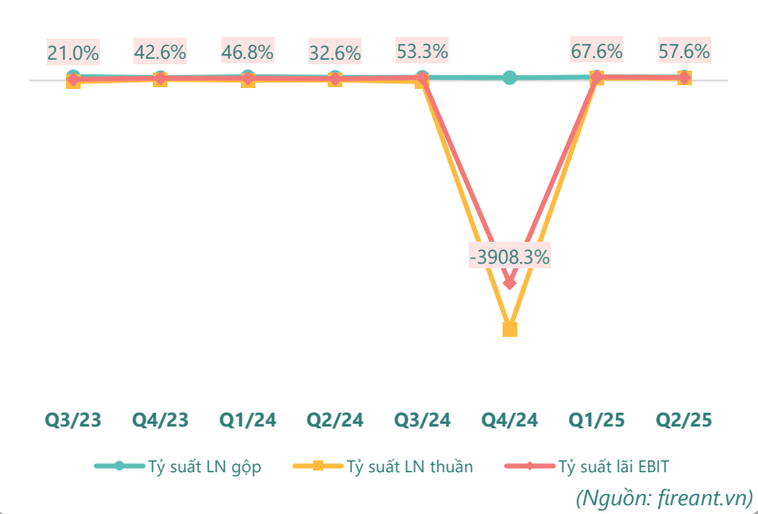
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



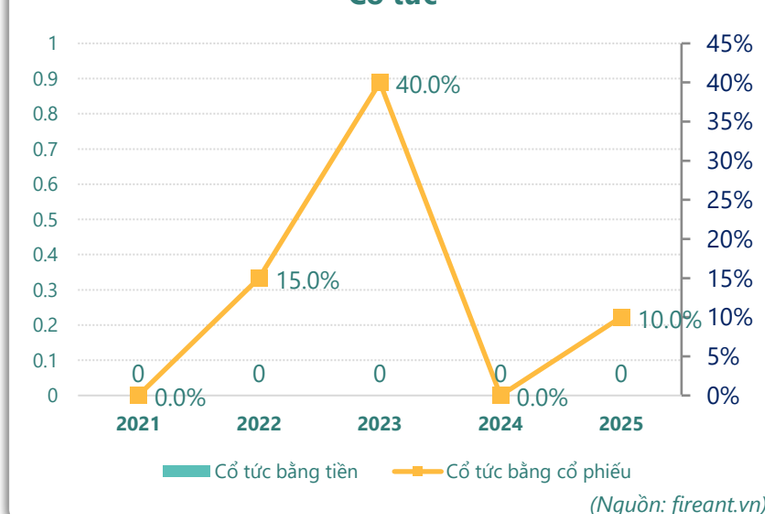
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

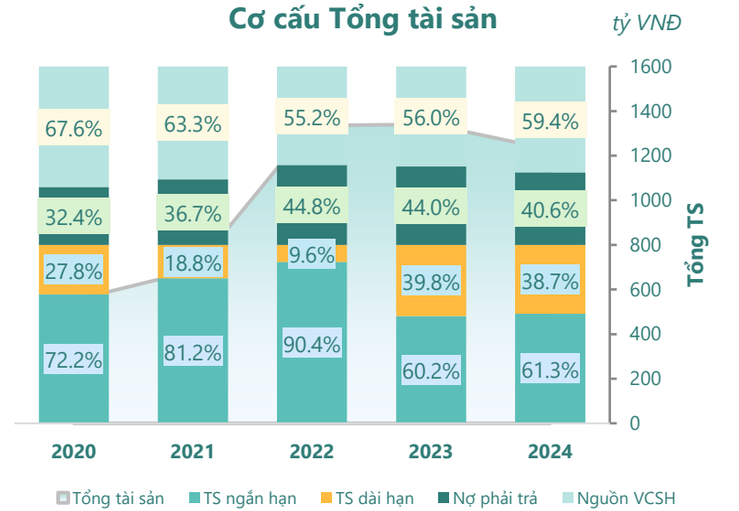
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

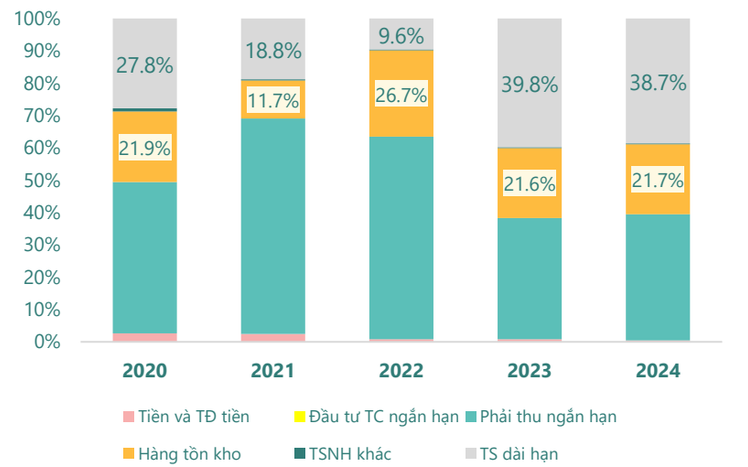
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



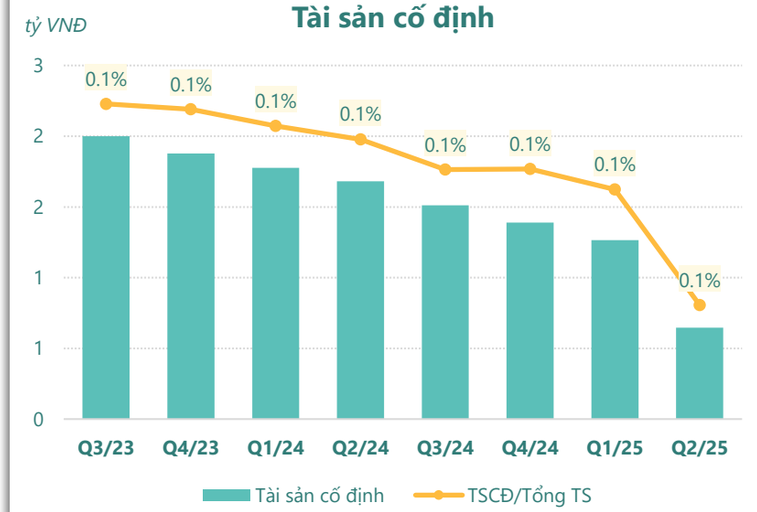
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



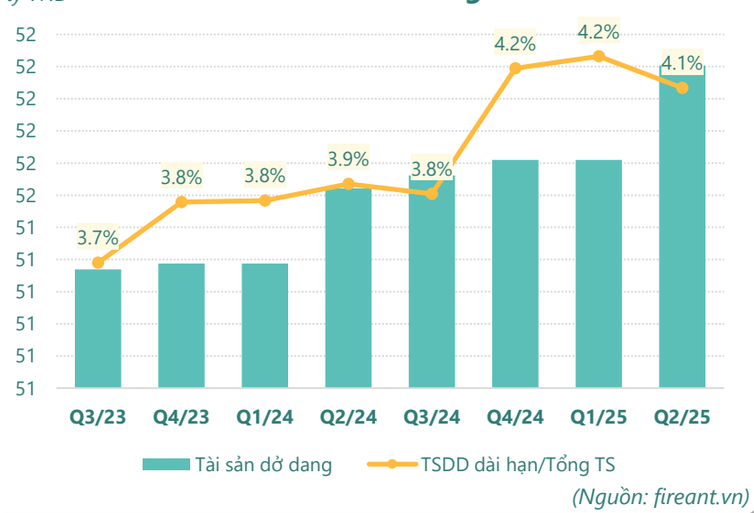
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



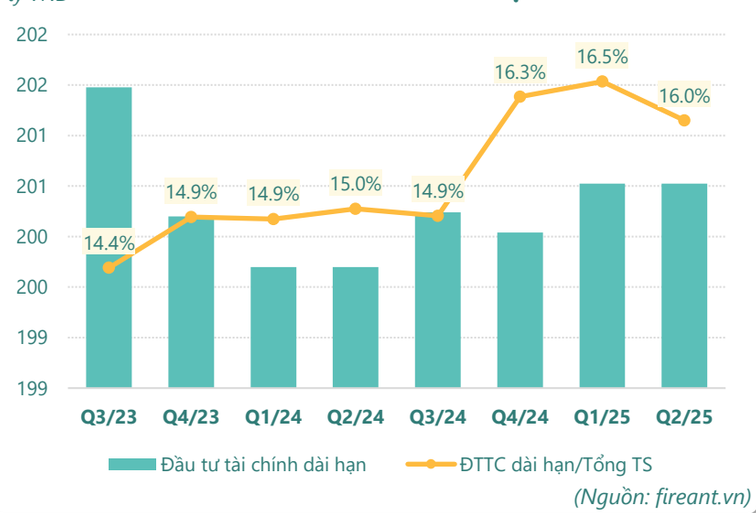
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



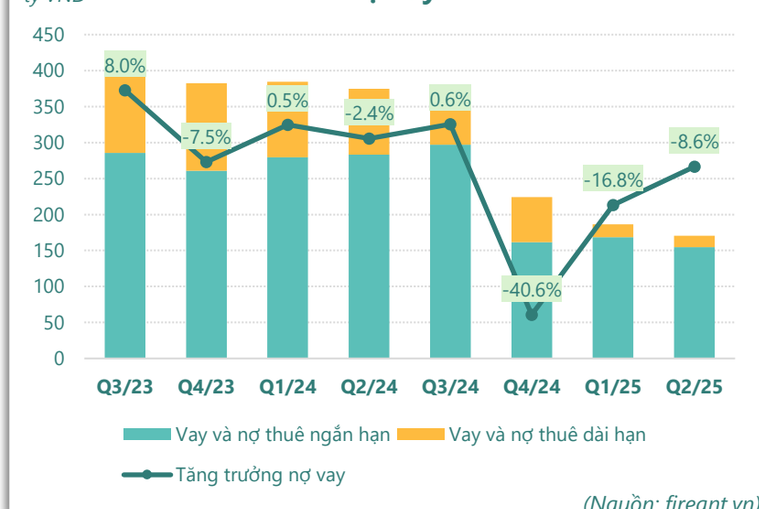
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

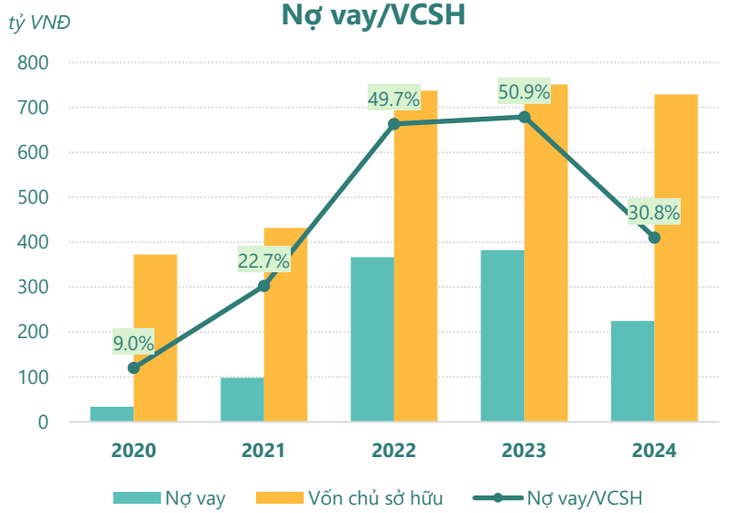
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

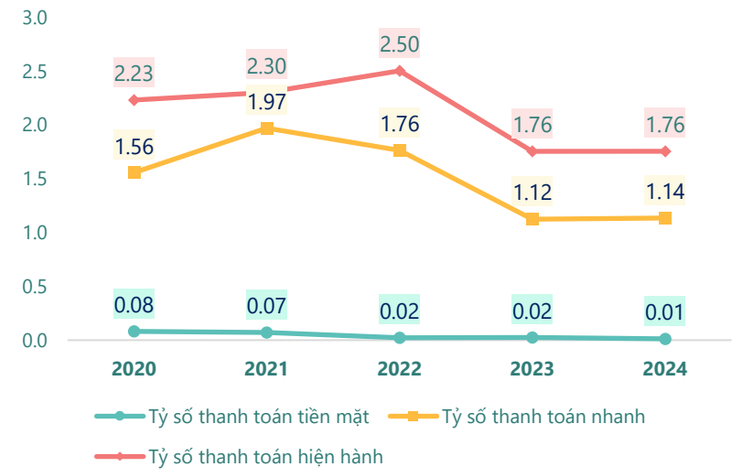
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



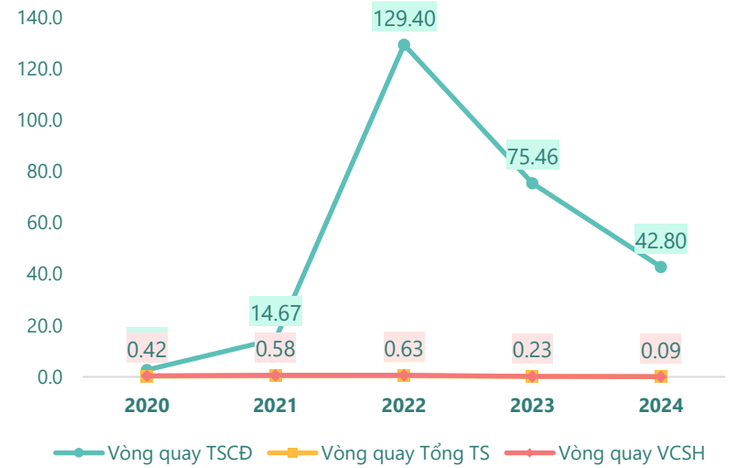
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



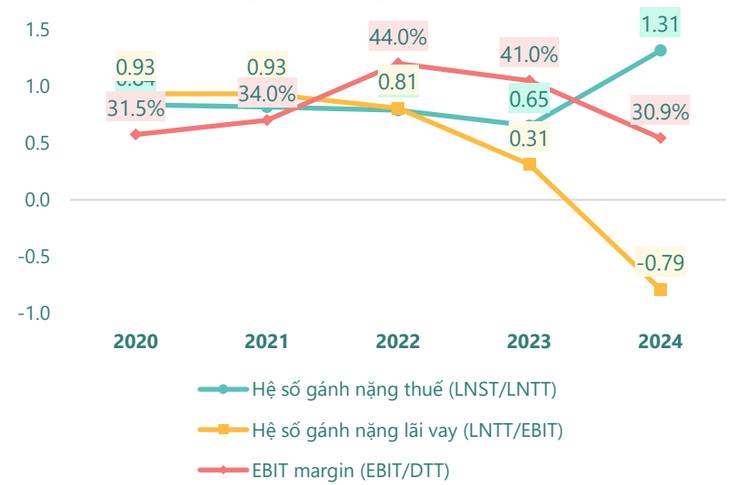
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



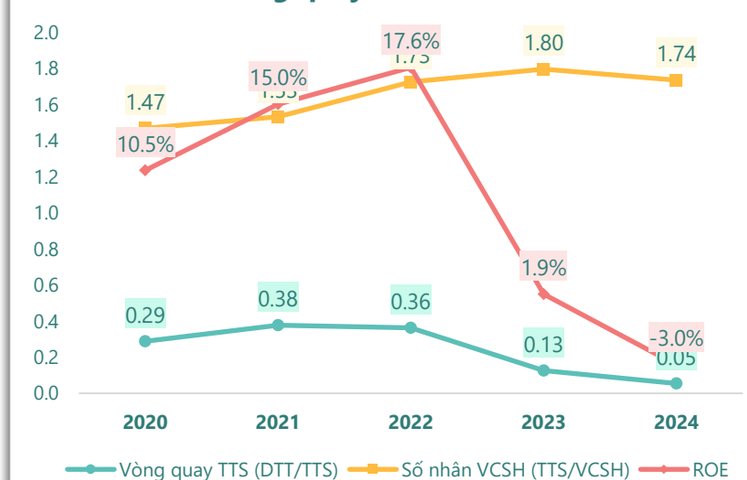
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



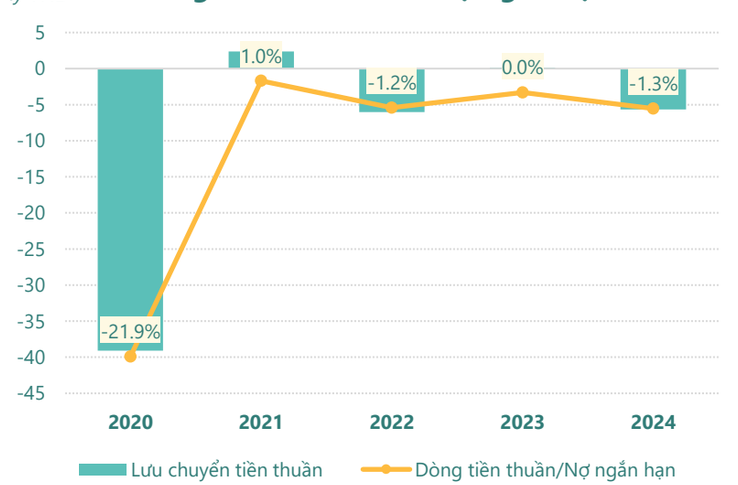
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**43.1**	**14.1**	**206%**	**88.9**	**41.8**	**113%**
Giá vốn hàng bán	14.8	5.50	168%	29.0	13.6	112%
Lợi nhuận gộp	28.3	8.64	228%	59.9	28.1	113%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.05	0.02	114%
Chi phí TC	6.11	3.06	99.7%	20.1	15.0	33.4%
Chi phí lãi vay	6.11	3.06	99.7%	20.1	14.9	34.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.48**	**-0.50**	**196%**
Chi phí bán hàng	0.03	0.27	-89.3%	0.20	1.18	-82.7%
Chi phí QLDN	**3.53**	**3.58**	**-1.5%**	**0.29**	**8.54**	**-96.6%**
LN thuần từ HĐKD	18.7	1.74	973%	39.9	2.87	1291%
Lợi nhuận khác	**0.05**	**-0.18**	**128%**	**-4.16**	**-0.25**	**-1579%**
LN trước thuế	18.7	1.56	1100%	35.7	2.62	1264%
Lợi nhuận sau thuế	**15.0**	**1.21**	**1137%**	**31.1**	**0.96**	**3156%**
LNST của CĐ cty mẹ	**15.0**	**1.21**	**1137%**	**31.1**	**0.96**	**3155%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.91	-7.16	2.63	152	37.4	14.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.21	-0.07	0.15	0.03	0.36
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.87	-9.38	2.28	-153	-37.7	-16.0
Tiền đầu kỳ	11.0	17.8	1.01	5.86	5.32	5.06
Lưu chuyển tiền thuần	**6.78**	**-16.8**	**4.85**	**-0.53**	**-0.26**	**-0.96**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.8	1.01	5.86	5.32	5.06	4.11

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,251**	**1,227**	**1.9%**
Tài sản ngắn hạn	777	753	3.2%
Tiền và tương đương tiền	4.11	5.32	-22.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	467	479	-2.4%
Hàng tồn kho	303	266	13.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.64	2.73	-3.4%
Tài sản dài hạn	**474**	**474**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	152	152	0.0%
Tài sản cố định	0.65	1.39	-53.5%
Bất động sản đầu tư	56.8	57.0	-0.4%
Tài sản dở dang	51.9	51.6	0.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	201	200	0.2%
Tài sản dài hạn khác	**11.5**	**12.0**	**-3.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	491	499	-1.5%
Nợ ngắn hạn	**464**	**428**	**8.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	155	161	-4.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.18	1.19	586%
Nợ dài hạn	27.4	70.2	-60.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.8	62.8	-74.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**760**	**729**	**4.3%**
Vốn chủ sở hữu	**760**	**729**	**4.3%**
Vốn điều lệ	642	642	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)